TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-DS	*Đ, ngày 08 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Phố TL, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Dương Thị O, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Xóm LT, xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm trả nợ và phương thức trả nợ:

Về trách nhiệm trả nợ: Chị Dương Thị O có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị B số tiền nợ gốc là 30.000.000^{đ} (ba mươi triệu đồng) và lãi suất của khoản vay trên là 10.000.000^{đ} (mười triệu đồng). Tổng số tiền chị O phải trả bà B là 40.000.000^{đ} (bốn mươi triệu đồng).

Về phương thức trả nợ:

Ngày 10/4/2019, chị O phải trả bà B số tiền 5.000.000^{đ}.

Ngày 20/5/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000^{đ}.

Ngày 20/6/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000^{đ}.

Ngày 20/7/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000^{đ}.

Ngày 20/8/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000^{đ}.

Ngày 20/9/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/10/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/11/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/12/2019, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/01/2020, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/02/2020, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/3/2020, chị O phải trả bà B số tiền 3.000.000đ.

Ngày 20/4/2020, chị O phải trả bà B số tiền 2.000.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị B tự nguyện chịu 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008842 ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí. Bà B còn phải nộp 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Kiểm